SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64 /TB-QBVR

Điện Biên, ngày 26 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO

Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2024 cho chủ rừng là tổ chức và diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê giao UBND các xã, thị trấn quản lý trên địa bàn huyện Mường Chà

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và dự toán chi quản lý năm 2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo Kế hoạch thu, chi năm 2024 cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà, Đồn Biên phòng Mường Mươn và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn được giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn huyện Mường Chà.

(có biểu chi tiết kế hoạch thu, chi 01, 02 kèm theo)

Căn cứ vào diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng, số tiền dự kiến chi trả DVMTR năm 2024 theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt:

- Đề nghị Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà xây dựng Kế hoạch thu, chi theo quy định tại Khoản 3, Điều 70 Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Đề nghị Đồn Biên phòng Mường Mươn; UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mường Chà xây dựng phương án sử dụng tiền DVMTR theo Quy định tại Khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Hướng dẫn số 1113/HDLN-SNNPTNT-STC ngày 11/6/2020 của liên ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền DVMTR đối với UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo để Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà, Đồn Biên phòng Mường Mươn, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mường Chà biết, triển khai thực hiện theo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Mường Chà; } (b/c)
- Giám đốc Quỹ;
- Ban QLRPH huyện Mường Chà;
- Đồn Biên phòng Mường Mươn;
- UBND các xã, thị trấn huyện Mường Chà;
- Lưu: VT, KH-KT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN T. ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Phan Anh Sơn

Biểu 01

BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH THU

(Kèm theo Thông báo số /TB-QBVR ngày tháng 02 năm 2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên sử dụng DVMTR	Đơn vị	Sản lượng/ doanh thu	Mức chi trả	Thành tiền (đồng)	Số tiền lãi (đồng)	Tổng tiền (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6+7]
1	Công ty thủy Điện Sơn La	KWh	2.550.148.594	36	91.805.349.379	1.057.273.213	92.862.622.592
2	Công ty thủy Điện Hòa Bình	KWh	1.860.070.006	36	66.962.520.217	771.171.608	67.733.691.825
3	Công ty CP Nước sạch Sông Đà	m3	23.618.562	52	1.228.165.202	14.144.123	1.242.309.325
4	Công ty CP nước mặt Sông Đuống	m3	6.963.686	52	362.111.674	4.170.247	366.281.921
5	Nhà máy thủy điện Nậm He	KWh	33.966.477	36	1.222.793.172	14.082.256	1.236.875.428
6	Nhà máy thủy điện Nậm Mức	KWh	130.000.000	36	4.680.000.000	53.897.062	4.733.897.062
7	Nhà máy thủy điện Trung Thu	KWh	105.303.415	36	3.790.922.940	43.658.036	3.834.580.976
8	Nhà máy thủy điện Long Tạo	KWh	117.984.020	36	4.247.424.720	48.915.324	4.296.340.044
9	Nhà máy thủy điện Huổi Vang	KWh	30.557.000	36	1.100.052.000	12.668.712	1.112.720.712
10	Nhà máy thủy điện Huổi Chan 1	KWh	50.100.000	36	1.803.600.000	20.771.099	1.824.371.099
11	Nhà máy nước huyện Mường Chà	m3	178.327	52	9.273.004	106.792	9.379.796
Tổng cộng					**177.212.212.308**	**2.040.858.472**	**179.253.070.780**

Biểu 02

BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI

(Kèm theo Thông báo số /TB-QBVR ngày tháng 02 năm 2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]
I	**Lưu vực Sông Đà**	**9.870,131**	**9.851,724**		**5.210.293.064**
1	Ban QLRPH huyện Mường Chà	7.434,730	7.423,615	528.871	3.926.136.298
2	UBND xã Mường Mươn	136,840	136,840	528.871	72.370.737
3	UBND xã Na Sang	361,012	361,012	528.871	190.928.893
4	UBND thị trấn Mường Chà	99,250	94,288	528.871	49.866.146
5	UBND xã Ma Thì Hồ	242,790	242,467	528.871	128.233.817
6	UBND xã Sa Lông	200,060	198,579	528.871	105.022.717
7	UBND xã Huổi Lèng	393,310	393,293	528.871	208.001.347
8	UBND xã Mường Tùng	312,400	312,400	528.871	165.219.368
9	UBND xã Sá Tổng	396,400	395,891	528.871	209.375.355
10	UBND xã Pa Ham	8,210	8,210	528.871	4.342.033
11	UBND xã Nậm Nèn	51,376	51,376	528.871	27.171.325
12	UBND xã Huổi Mí	197,200	197,200	528.871	104.293.404
13	UBND xã Hừa Ngài	17,683	17,683	528.871	9.351.823
14	Đồn biên phòng Mường Mươn	18,870	18,870	528.871	9.979.800
II	**Lưu vực nhà máy thủy điện Trung Thu**	**5.505,131**	**5.498,365**		**289.765.454**
1	Ban QLRPH huyện Mường Chà	4.134,510	4.134,510	52.700	217.889.909
2	UBND xã Mường Mươn	136,840	136,840	52.700	7.211.509
3	UBND xã Na Sang	361,012	361,012	52.700	19.025.444

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]
4	UBND Thị trấn Mường Chà	99,250	94,288	52.700	4.968.999
5	UBND xã Ma Thì Hồ	216,800	216,477	52.700	11.408.402
6	UBND xã Sa Lông	199,980	198,499	52.700	10.460.956
7	UBND xã Sá Tổng	63,400	63,400	52.700	3.341.199
8	UBND xã Pa Ham	8,210	8,210	52.700	432.669
9	UBND xã Nậm Nèn	51,376	51,376	52.700	2.707.534
10	UBND xã Huổi Mí	197,200	197,200	52.700	10.392.499
11	UBND xã Hừa Ngài	17,683	17,683	52.700	931.879
12	Đồn biên phòng Mường Mươn	18,870	18,870	52.700	994.455
III	**Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Mức**	**1.194,062**	**1.188,777**		**140.169.127**
1	UBND xã Mường Mươn	136,840	136,840	117.910	16.134.855
2	UBND xã Na Sang	361,012	361,012	117.910	42.567.066
3	UBND Thị trấn Mường Chà	99,250	94,288	117.910	11.117.519
4	UBND xã Ma Thì Hồ	216,800	216,477	117.910	25.524.883
5	UBND xã Sa Lông	171,830	171,830	117.910	20.260.538
6	UBND xã Huổi Mí	189,460	189,460	117.910	22.339.298
7	Đồn biên phòng Mường Mươn	18,870	18,870	117.910	2.224.969
IV	**Lưu vực nhà máy thủy điện Long Tạo**	**1.139,392**	**1.134,107**		**159.993.346**
1	UBND xã Mường Mươn	136,840	136,840	141.074	19.304.607
2	UBND Xã Na Sang	361,012	361,012	141.074	50.929.526
3	UBND TT Mường Chà	99,250	94,288	141.074	13.301.597
4	UBND Xã Ma Thì Hồ	216,800	216,477	141.074	30.539.342

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]
5	UBND Xã Sa Lông	171,830	171,830	141.074	24.240.797
6	UBND Xã Huổi Mí	134,790	134,790	141.074	19.015.405
7	Đồn biên phòng Mường Mươn	18,870	18,870	141.074	2.662.072
V	**Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi Vang**	**409,920**	**409,597**		**26.054.674**
1	UBND xã Mường Mươn	53,180	53,180	66.683	3.546.178
2	UBND xã Na Sang	121,070	121,070	66.683	8.073.257
3	UBND xã Ma Thì Hồ	216,800	216,477	66.683	14.435.239
4	Đồn biên phòng Mường Mươn	18,870	18,870	66.683	1.258.300
VI	**Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He**	**3.364,950**	**3.364,950**		**292.615.373**
1	Ban QLRPH huyện Mường Chà	2.963,380	2.963,380	86.960	257.694.927
2	UBND xã Ma Thì Hồ	25,990	25,990	86.960	2.260.085
3	UBND xã Huổi Lèng	144,880	144,880	86.960	12.598.736
4	UBND xã Mường Tùng	230,700	230,700	86.960	20.061.625
VII	**Lưu vực nhà máy nước thị trấn Mường Chà**	**3,826**	**3,635**		**354.827**
1	UBND thị trấn Mường Chà	3,826	3,635	97.622	354.827
VIII	**Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi Chan 1**				
1	UBND xã Mường Mươn	Diện tích và số tiền cụ thể sẽ được thông báo chi tiết sau khi rà soát, thống nhất được diện tích cung ứng DVMTR năm 2024 và trên cơ sở quyết định điều tiết tiền chưa có đối tượng chi năm 2024 của UBND tỉnh			
2	UBND xã Na Sang				
3	UBND xã Ma Thì Hồ				
4	Đồn biên phòng Mường Mươn				
Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI+VII)					**6.119.245.866**